

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5 - LẠNG SƠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2026/HNGĐ-ST

Ngày 05-01-2026

V/v Ly hôn, tranh chấp

nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vi Thị Hoà và ông Lộc Văn Chung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vy Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5
- Lạng Sơn.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Lạng Sơn tham gia phiên
tòa:** Ông Triệu Trung Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 118/2025/TLST-HNGĐ, ngày 01 tháng 12 năm 2025 về việc *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 11 tháng 12 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 24/2025/QĐ-ST-HNGĐ, ngày 29 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hà Thị T, sinh năm 1997; số CCCD: 020197005637, ngày cấp: 09/5/2021. Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; nơi cư trú: Thôn N, xã C, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Dương Văn L, sinh năm 1995; số CCCD: 020095010812, ngày cấp: 09/5/2021. Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; nơi cư trú: Thôn N, xã C, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 24/10/2025, bản tự khai, lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Hà Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Hà Thị T kết hôn với anh Dương Văn L năm 2018, trước khi kết hôn cả hai có thời gian tự do tìm hiểu, yêu nhau được khoảng 01 năm rồi mới tiến tới hôn nhân, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) xã C, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn (nay là UBND xã C, tỉnh Lạng Sơn) vào ngày

29/11/2018. Quá trình chung sống thời gian đầu hôn nhân hạnh phúc. Đến năm 2020 vợ chồng đã bộc lộ những quan điểm, lối sống trái ngược nhau, dẫn đến vợ chồng cãi nhau thường xuyên và mâu thuẫn của cả hai ngày càng nghiêm trọng. Mặc dù cả hai đã cố gắng hàn gắn nhưng mọi nỗ lực đều không có kết quả. Cả hai đã không còn sự quan tâm, yêu thương hay hỗ trợ lẫn nhau trong cuộc sống hàng ngày, đã sống ly thân từ tháng 12/2024 đến nay, chị Hà Thị T hiện tại đang đi học chuyên khoa 1 tại tỉnh Thái Nguyên, có những lúc về nhà nội thăm con thì vợ chồng khác ngủ riêng mỗi người một phòng, từ khi vợ chồng sống ly thân cả hai đã không còn quan tâm, chăm sóc đến nhau cũng không có hành động gì hàn gắn tình cảm. Mâu thuẫn vợ chồng gia đình hai bên nội ngoại có biết, có khuyên giải nhưng không hàn gắn được. Đến nay, chị Hà Thị T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Dương Văn L.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Dương Tuấn K, sinh ngày 13/3/2019. Khi ly hôn chị Hà Thị T yêu cầu anh Dương Văn L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung cho đến khi con đủ 18 tuổi. Tại đơn khởi kiện chị trình bày chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ chị có thay đổi yêu cầu tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền 1.200.000 đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi, thời điểm cấp dưỡng kể từ khi Bản án có hiệu lực pháp luật, cấp dưỡng trước ngày 30 hàng tháng. Chị Hà Thị T không phải chịu lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung: Không có. Chị Hà Thị T đã có đơn đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 5 - Lạng Sơn giải quyết, xét xử vắng mặt.

Bị đơn anh Dương Văn L đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng không hợp tác và vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Tại Biên bản làm việc ngày 08/12/2025, bà Hoàng Thị T1 (mẹ đẻ của anh Dương Văn L) trình bày: Anh Dương Văn L đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án và Giấy triệu tập của Tòa án nhưng do con bị ốm nên anh Dương Văn L không đến Tòa án được.

Về quan hệ hôn nhân: Anh Dương Văn L và chị Hà Thị T trước khi kết hôn có thời gian tự do tìm hiểu, yêu nhau được khoảng 01 năm thì mới tiến tới kết hôn, được hai gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn (nay là UBND xã C, tỉnh Lạng Sơn). Sau kết hôn chị Hà Thị T tiếp tục đi học chuyên môn tại tỉnh Thái Nguyên, đến tháng 3/2019 chị Hà Thị T sinh con tại Thái Nguyên, bà và anh Dương Văn L xuống Thái Nguyên chăm sóc hai mẹ con. Khi con được 05 tháng tuổi chị Hà Thị T đưa con về nhà nội để bố và bà nội chăm sóc đến giờ, được nghỉ thì Hà Thị T có về nhà thăm con. Bà không thấy hai vợ chồng cãi chửi gì nhau. Đến tháng 12/2024 (âm lịch) hai vợ chồng đã sống ly thân (chị Hà Thị T có về nhà chồng thì không ngủ cùng anh Dương Văn L hoặc về nhà bố mẹ đẻ chị ngủ). Khi biết vợ chồng các con mâu thuẫn bà và ông bà ngoại có hỏi thăm và khuyên giải nhưng vợ chồng không hàn gắn được. Bà thấy chị Hà Thị T không muốn hàn gắn tình cảm với anh Dương Văn L nữa. Bản thân bà vẫn mong muốn các con đoàn tụ

cùng nhau nuôi dạy con cái, nhưng việc ly hôn hay đoàn tụ do các con tự quyết định.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung sinh năm 2019 hiện nay cháu đang sống cùng bố và bà nội. Anh Dương Văn L có nói với bà “*nếu ly hôn anh Dương Văn L yêu cầu chăm sóc nuôi dưỡng con chung, chị Hà Thị T phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung đến 18 tuổi nếu chị Hà Thị T nhất quyết ly hôn, mức cấp dưỡng cụ thể anh Dương Văn L không nói rõ*”. Trường hợp ly hôn anh Dương Văn L nuôi con bà sẽ hỗ trợ giúp đỡ anh Dương Văn L trong việc chăm sóc cháu. Về tài sản chung và nợ chung: Không có. Các văn bản tố tụng của Tòa án bà sẽ nhận thay giao hoặc thông tin cho anh Dương Văn L nếu con đi vắng.

Toà án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, tại phiên họp anh Dương Văn L vắng mặt, chị Hà Thị T đã có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hoà giải.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Lạng Sơn:

Việc chấp hành pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa nguyên đơn chị Hà Thị T đã có đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt, bị đơn anh Dương Văn L đã được triệu tập họp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định tại Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Chị Hà Thị T kết hôn với anh Dương Văn L có tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn (nay là UBND xã C, tỉnh Lạng Sơn) vào ngày 29/11/2018. Do đó, hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng có mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không quan tâm, yêu thương nhau. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 12/2024 đến nay. Thời gian ly thân, hai bên không có hành động gì để hàn gắn tình cảm. Chị Hà Thị T xin ly hôn với anh Dương Văn L là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị Hà Thị T được ly hôn với anh Dương Văn L.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Dương Tuấn K, sinh ngày 13/3/2019. Hiện nay, cháu Dương Tuấn K đang sống với bố và bà nội tại thôn N, xã C, tỉnh Lạng Sơn. Quá trình giải quyết vụ án, anh Dương Văn L vắng mặt nhưng đã có ý kiến lại nếu vợ chồng ly hôn anh có yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung cho đến khi con đủ 18 tuổi. Chị Hà Thị T yêu cầu anh Dương Văn L chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung cho đến khi con đủ 18 tuổi. Xét thấy anh Dương Văn L có chỗ ở, có thu nhập, được mẹ đẻ hỗ trợ trong việc nuôi con nên có đủ điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Chị Hà

Thị T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con số tiền 1.200.000 đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi, thời điểm cấp dưỡng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, cấp dưỡng trước ngày 30 hàng tháng. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình, giao con chung là cháu Dương Tuấn K, sinh ngày 13/3/2019 cho anh Dương Văn L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi con đủ 18 tuổi; ghi nhận sự tự nguyện của chị Hà Thị T về trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con định kỳ hằng tháng là 1.200.000 đồng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu đủ 18 tuổi và phải chịu lãi suất chậm trả theo quy định. Về tài sản chung và nợ chung: Không đề nghị xem xét giải quyết. Về án phí: Nguyên đơn chị Hà Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Hà Thị T vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Dương Văn L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ các Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng quyết định tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự nêu trên.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn, tranh chấp nuôi con vì vậy quan hệ pháp luật là "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*". Bị đơn anh Dương Văn L, cư trú tại: Thôn N, xã C, tỉnh Lạng Sơn. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân khu vực 5 - Lạng Sơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hà Thị T và anh Dương Văn L tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn ngày 29/11/2018 (nay là UBND xã C, tỉnh Lạng Sơn). Như vậy, quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng có mâu thuẫn từ năm 2020 đến nay do bất đồng quan điểm sống, không quan tâm, yêu thương, chăm sóc lẫn nhau. Cả hai đã sống ly thân từ tháng 12 năm 2024 đến nay. Từ khi sống ly thân cả hai không còn liên lạc, không yêu thương, quan tâm nhau cũng không có hành động gì để hàn gắn tình cảm. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân của chị Hà Thị T và anh Dương Văn L đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn vợ chồng không còn khả năng hàn gắn. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị Hà Thị T là có căn cứ được chấp nhận.

[4] Về con chung: Vợ chồng chị Hà Thị T và anh Dương Văn L có 01 con chung là cháu Dương Tuấn K, sinh ngày 13/3/2019. Xét thấy, từ khi vợ chồng sống ly thân tháng 12 năm 2024 đến nay, con hiện tại đang sống cùng với bố đẻ và bà nội, anh Dương Văn L có chỗ ở ổn định, có việc làm, có thu nhập, đủ điều kiện chăm sóc con chung, ngoài ra mẹ đẻ anh Dương Văn L có ý kiến sẽ hỗ trợ cùng chăm sóc, nuôi dưỡng cháu khi anh Dương Văn L đi làm, chị Hà Thị T cũng có yêu cầu anh Dương Văn L chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung cho đến

khi con đủ 18 tuổi. Để đảm bảo đầy đủ về mọi mặt cho trẻ em phát triển toàn diện cần tiếp tục giao con chung cho anh Dương Văn L chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con: Do quá trình giải quyết vụ án, anh Dương Văn L vắng mặt, không có yêu cầu cụ thể về số tiền cấp dưỡng nên không có cơ sở để xem xét giải quyết theo yêu cầu của anh Dương Văn L. Chị Hà Thị T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 1.200.000 đồng/tháng (một triệu hai trăm nghìn đồng/tháng) cho đến khi con đủ 18 tuổi. Thời điểm cấp dưỡng kể từ khi Bản án có hiệu lực pháp luật, cấp dưỡng trước ngày 30 hàng tháng. Việc tự nguyện cấp dưỡng của chị Hà Thị T đưa ra là phù hợp với quy định của pháp luật được Hội đồng xét xử ghi nhận. Chị Hà Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Hà Thị T trình bày trong thời gian chung sống vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Lạng Sơn là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định tại Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 338, Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Hà Thị T được ly hôn với anh Dương Văn L. *(Giấy chứng nhận kết hôn số 12/2018, đăng ký ngày 29/11/2018 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn (nay là UBND xã C, tỉnh Lạng Sơn)).*

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Dương Tuấn K, sinh ngày 13/3/2019 cho anh Dương Văn L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi. Chị Hà Thị T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung là 1.200.000 đồng/tháng (một triệu hai trăm nghìn đồng/tháng) cho đến con đủ 18 tuổi. Thời điểm cấp dưỡng kể từ khi Bản án có hiệu lực pháp luật, cấp dưỡng trước ngày 30 hàng tháng.

Chị Hà Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở chị Hà Thị T thực hiện quyền này.

3. Về lãi suất chậm trả: Khi bản án có hiệu lực pháp luật, bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành, nếu bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí: Nguyên đơn chị Hà Thị T phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) và án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Tổng số tiền án phí chị Hà Thị T phải nộp là 600.000 đồng (sáu trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị Hà Thị T đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0001168 ngày 01/12/2025 tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 5 - Lạng Sơn. Chị Hà Thị T phải nộp tiếp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí để nộp ngân sách Nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND khu vực 5 - Lạng Sơn;
- Phòng THADS khu vực 5 - Lạng Sơn;
- UBND xã C, tỉnh Lạng Sơn;
- Dương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thúy Huyền

